

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN . .
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh .c**

Số: ../QĐST-HNGĐ

. ., ngày 02 tháng 4 năm .

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN . ., THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 3.. của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 3 năm ..

Sau khi nghiên cứu . sơ việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: .0../TLST-HNGĐ ngày 25/3/. về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Chị Chu Thị T, sinh năm 1.8..

- Anh Lưu Văn T, sinh năm 1.84;

Cùng ĐKKHKT và trú tại: Tổ ., cụm ., (nay là tổ . ĐBDC số .), phường . ., quận . ., TP Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tình cảm: Chị Chu Thị T và anh Lưu Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 1../20. tại Ủy ban nhân dân phường . ., quận Đống Đa, TP Hà Nội, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh, chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ c.ng chung sống hạnh .c đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và cùng xác định tình cảm vợ c.ng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Anh, chị có 03 con chung là Lưu Quang ., sinh ngày 12/3/.; Lưu Thanh ., sinh ngày 20/8/. và Lưu Quang ., sinh ngày 01/4/.. Anh, chị thỏa thuận: Sau khi ly hôn giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu .; giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu . và cháu . đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu . 3.000.000đồng/tháng từ tháng 3/ đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 0. ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị T và anh Lưu Văn T cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh, chị có 03 con chung là Lưu Quang ., sinh ngày 12/3/.; Lưu Thanh ., sinh ngày 20/8/. và Lưu Quang ., sinh ngày 01/4/..

Sau khi ly hôn giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu ., giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu . và cháu . đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu . 3.000.000đ(ba triệu đồng)/tháng, từ tháng 4/. đến khi cháu . thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Chu Thị T tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002..4 ngày 25/3/. tại Chi cục Thi hành án dân sự quận . ..

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục .c thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận . .;
- CCTHADS quận . .;
- UBND phường . ., Đống Đa, HN (số 204/20.);
- Lưu HS/VP.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh .c

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾..... Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu . sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ⁽⁵⁾ ngày tháng năm..... về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁶⁾.....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽⁷⁾.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 0. ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

.....

- Về con chung:

.....

- Về tài sản chung:

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án:

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục
.c thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: . sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(.) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].